

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

2. Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng X

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X, chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-NHNo-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Ngân hàng X

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Hồng H - Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Theo giấy ủy quyền số 3925/UQ-NHNo.BG-PC ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Ngân hàng X, chi nhánh tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 166, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Hồng H trình bày:* Bà là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng giải quyết việc kiện tại Tòa án theo giấy ủy quyền ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Ngân hàng X, chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Văn G và Ngân hàng X, chi nhánh tỉnh Bắc Giang có ký các Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017. Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh đồ điện gia dụng, linh kiện điện thoại di động. Theo đó Ngân hàng cho anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ (chị H, anh T, ông Đ ủy quyền cho anh G) vay theo các giấy nhận nợ sau:

+ Giấy nhận nợ ngày 13/9/2018: Số tiền giải ngân là 700.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng kể từ ngày 13/9/2018 đến 13/3/2019. Lãi suất trong hạn là 9,3%/năm; Lãi quá hạn là 13,95%/năm. Phương thức trả nợ là gốc và lãi trả 06 tháng/kỳ.

+ Giấy nhận nợ ngày 14/9/2018: Số tiền giải ngân là 500.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng kể từ ngày 14/9/2018 đến 14/3/2019. Lãi suất trong hạn là 9,3%/năm; Lãi quá hạn là 13,95%/năm. Phương thức trả nợ là gốc và lãi trả 06 tháng/kỳ.

Ngày 24/9/2018 Ngân hàng X, chi nhánh tỉnh Bắc Giang và anh Nguyễn Văn G ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018. Toàn bộ dư nợ tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018.

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/01/2020 là 1.370.546.713 đồng (Trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng; tiền lãi là 170.546.713 đồng).

- Để đảm bảo khoản vay trên anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất 111, tờ bản đồ số 38, diện tích 288 m², địa chỉ thửa đất tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI387823, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/9/2017 cho ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng, diện tích sàn 267,75 m²; Diện tích xây dựng 89,25 m². Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2017748001/HĐTC ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Văn G và chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/01/2020 là 1.370.546.713 đồng (Trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng; tiền lãi là 170.546.713 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 11/01/2020 đến khi tất toán toàn bộ hợp đồng. Trường hợp ông Nguyễn Văn G và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp trên.

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Theo Quy chế cho vay đối với khách hàng trong hệ thống Ngân hàng X thì số dư nợ của thỏa thuận vay cũ được chuyển sang thỏa thuận cho vay mới. Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 có thời hạn 01 năm, khi hết thời hạn 01 năm, giữa Ngân hàng và anh G, chị H ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018. Vì vậy toàn bộ dư nợ của hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018. Ngân hàng yêu cầu anh G, chị H phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2020 là 1.392.560.959 đồng, trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là 192.560.959 đồng. Trường hợp anh G, chị H không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp trên, theo hợp đồng thế chấp đã ký và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/02/2020 đến khi tất toán toàn bộ hợp đồng.

+ Tại biên bản làm việc ngày 12/12/2019, ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn G, hiện nay anh G, chị H và cháu T không có mặt tại địa phương mà đã chuyển vào sinh sống ở Miền Nam, địa chỉ cụ thể ông không rõ, ông có liên lạc bằng điện thoại cho anh G, chị H và cháu T. Khi ông nhận được

thông báo thụ lý vụ án của Tòa án ông có thông báo bằng điện thoại cho anh G, chị H và cháu T được biết. Việc anh G có vay nợ Ngân hàng, Ngân hàng có đề nghị xử lý tài sản thế chấp mà ông có ký thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, ông không có liên quan gì đến nhà đất mà anh G thế chấp vay Ngân hàng vì ông đã cho anh G.

+ Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải cho anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Đ đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bà anh G, chị H, anh T và ông Đ không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không hòa giải được vì bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không hòa giải.

+ Ngày 10/01/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất 111, tờ bản đồ số 38, diện tích 288 m², địa chỉ thửa đất tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI387823, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/9/2017 cho ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng, tổng diện tích sàn 267,75 m²; Diện tích xây dựng 89,25 m². Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2017748001/HĐTC ngày 22 tháng 9 năm 2017

+ Tòa án đã thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến gì.

+ Ngày 10/02/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật
Tổ tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc anh G, chị H phải trả cho Ngân hàng X số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2020 là 1.392.560.959 đồng, trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là 192.560.959 đồng. Trường hợp anh G, chị H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Anh G, chị H phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với việc vắng mặt của anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T thì thấy: Theo như đơn khởi kiện và xác minh tại địa phương thì anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T có địa chỉ tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, thì: "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung...". Anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án thành phố B đã niêm yết toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng X và anh Nguyễn Văn G là quan hệ kinh doanh thương mại giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh. Anh Nguyễn Văn G có ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018. Số tiền giải ngân theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700557 ngày 25/9/2017 là 1.200.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là ngày 14/3/2019, anh G, chị H không trả được nợ đã vi phạm thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi, Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án thành phố B giải quyết. Đây là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc anh G, chị H thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng hạn mức tín dụng số hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018 thì thấy: Ngân hàng X có giải ngân cho anh Nguyễn Văn G vay số tiền theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay trong hạn là 9,3%/năm; Lãi chậm trả là 10%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là 13.95%/năm. Phương thức trả nợ tiền gốc, tiền lãi trả vào cuối kỳ theo từng giấy nhận nợ. Số tiền tạm tính đến ngày 28/02/2020, anh G còn nợ Ngân hàng là 1.392.560.959 đồng, trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là 192.560.959 đồng. Thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi cuối cùng vào ngày 14/03/2019, nhưng anh G không trả được tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng, do vậy anh G vi phạm Điều 5 của hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018. Ngân hàng khởi kiện anh G là phù hợp với Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Anh G vay tiền để kinh doanh, phục vụ kinh tế chung của gia đình, chị Nguyễn Thị H là vợ anh G, vì vậy chị H phải có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ mà anh G còn nợ Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu anh G, chị H phải có trách nhiệm

trả số nợ theo Hợp đồng tín dụng trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Đối với yêu cầu trong trường hợp anh G, chị H không trả được nợ thì đề nghị được phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất tại thửa đất 111, tờ bản đồ số 38, diện tích 288 m², địa chỉ thửa đất tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI387823, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/9/2017 cho ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng, tổng diện tích sàn 267,75 m²; Diện tích xây dựng 89,25 m². Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2017748001/HĐTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 thì thấy: Ngày 22/9/2017, anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2017748001/HĐTC. Hợp đồng được Văn phòng công chứng Đ&T công chứng số 2137/2017, quyền số: 13/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2017. Các bên tiến hành các thủ tục thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2017748001/HĐTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 và phù hợp với Điều 317, Điều 318, Điều 319 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng X được chấp nhận, do vậy anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng đã nộp là 3.000.000 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, do vậy anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 317; Điều 318; Điều 319 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử:

2.1. Buộc anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng X số tiền theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201700558 ngày 25/9/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2500LAV201800852 ngày 24/9/2018 tạm tính đến ngày 28/02/2020 là 1.392.560.959 đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 192.560.959 đồng.

2. 2. Trường hợp anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H không trả được nợ cho Ngân hàng thì phải chịu các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật kể cả việc phát mại tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất 111, tờ bản đồ số 38, diện tích 288 m², địa chỉ thửa đất tại Thôn Đ, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI387823, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/9/2017 cho ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền với đất là nhà 03 tầng, tổng diện tích sàn 267,75 m²; Diện tích xây dựng 89,25 m². Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2017748001/HĐTC ngày 22 tháng 9 năm 2017.

2.3. Về án phí:

2.3.1. Anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H phải chịu 53.776.828 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3.2. Hoàn trả Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.952.809 đồng theo biên lai số AA/2016/0000734 ngày 04/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2.4. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn G, chị Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng X được nhận lại số tiền này khi anh G, chị H nộp.

2.5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

2.7. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND TP B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Ngô Thị Thanh Hảo